

HUYỆN YÊN DŨNG

BẢNG 2 - BẢNG GIÁ ĐẤT Ở THỊ TRẤN VÀ VEN TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG QUỐC LỘ, TỈNH LỘ, KHU CÔNG NGHIỆP, KHU DU LỊCH.

Đơn vị tính : 1.000đ/m²

TT	TÊN ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
I.	THỊ TRẤN NEO				
1.	Trục đường tỉnh 398				
-	Đoạn từ Cổng Buộm đến giáp đất Ban chỉ huy quân sự huyện	3.000	1.200	600	
-	Đoạn từ Ban chỉ huy quân sự huyện đến giáp đất đội thuế số 2 thị trấn Neo	3.500	1.400	700	
-	Đoạn từ đội thuế số 2 đến đất cây xăng Anh Phong	3.000	1.200	600	
2.	Trục đường tỉnh 299				
-	Đoạn từ Bưu điện huyện đến hết đất Bệnh viện	3.000	1.200	400	
-	Đoạn từ hết đất Bệnh viện đến hết đất Kiểm Lâm	2.500	1.000	400	
-	Đoạn từ hết đất Kiểm lâm đến đầu cầu bến Đám	1.500	900	400	
3.	Đoạn từ đường tỉnh 299 đến đầu bến phà Đám cũ	1.200	400		
4.	Đoạn từ bến phà Đám cũ đến hết địa phận thị trấn Neo	650	300	200	
5.	Đường vành đai thị trấn Neo	3.000	1.200		
6.	Đoạn từ ngã ba huyện đến ngã ba đi thôn Biền Đông xã Cảnh Thụy	1.800	800	300	
7.	Các vị trí còn lại các tiểu khu thị trấn Neo	1.000	600	300	100
II	THỊ TRẤN TÂN DÂN				
1	Trục đường tỉnh 299				
-	Từ hết đất địa phận xã Xuân Phú đến giáp đất địa phận xã Tân An	2.000	800	400	
-	Từ cây xăng anh Long đến đường rẽ vào thôn Thượng	3.000	1.200	400	
-	Từ đường rẽ vào thôn Thượng đến nghĩa trang TP Bắc Giang	2.500	1.300	600	
2	Đoạn đường từ đoạn rẽ nhà Nga Giảng đến cầu thôn Nguyễn	2.000	1.000	500	
3.	Các vị trí còn lại ở các thôn của thị trấn Tân Dân	800	500	320	
III.	ĐẤT Ở VEN CÁC TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG CHÍNH, CÁC ĐẦU MỐI GIAO THÔNG				
1.	Đường tỉnh 295B (Quốc lộ 1A cũ) chạy qua xã Tân Mỹ	2.500	1.200	600	
2.	Đường dẫn cầu Đường bộ mới- đoạn nối từ đường tỉnh 398 đến địa phận phường Mỹ Độ- Bắc Giang.	3.000	1.200		
3.	Trục đường tỉnh 398				
-	Đoạn từ bến phà Đồng Việt đến điểm rẽ xuống xã Đồng Phúc	800	300		
-	Đoạn từ điểm rẽ xuống xã Đồng Phúc đến hết đất trường PTTH Yên Dũng số 3	1.200	300		

-	Đoạn từ hết đất trường PTTH Yên Dững số 3 đến hết đất Miếu Cô Hoa xã Cảnh Thụy.	1.000	400		
-	Đoạn từ hết đất Miếu Cô Hoa xã Cảnh Thụy đến điểm rẽ thôn Tân Mỹ, xã Cảnh Thụy	1.700	700		
-	Đoạn từ điểm rẽ thôn Tân Mỹ, xã Cảnh Thụy đến Công Buộm	2.200	1.000		
-	Đoạn từ cây xăng Anh Phong đến giáp đất trạm bơm nước thôn Minh Phụng	2.500	1.000		
-	Đoạn từ trạm bơm nước thôn Minh Phụng đến công Kem nham Sơn	2.000	800		
-	Đoạn từ Công Kem xã Nham Sơn đến trạm biển thê Liên Sơn xã Tiền Phong	1.000	400		
-	Đoạn từ trạm biển thê Liên Sơn xã Tiền Phong đến khu CN Song Khê - Nội Hoàng	2.000	1.000		
-	Đoạn từ ngã tư Quốc lộ 1A mới đến cầu Lịm Xuyên xã Song Khê	1.400	600	300	
-	Đoạn từ cầu Lịm Xuyên đến giáp đất Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Giang	1.800	800	400	
-	Đoạn từ đất Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Giang đến đường tỉnh 295B (Quốc lộ 1A cũ)	3.000	1.200	600	
4.	Trục đường tỉnh 299				
	Đoạn cầu bến Đám đến hết địa phận xã Xuân Phú	1.000	400		
-	Đoạn từ địa phận xã Tân An đến đất cây xăng anh Long	2.500	1.200		
5.	Trục đường tỉnh 299B				
-	Đoạn từ đầu đường tỉnh 299B đến hết địa phận xã Tân An	2.000	1.200		
-	Đoạn từ đường hết địa phận xã Tân An đến điểm rẽ vào làng nghề xã Lãng Sơn	1.500	800		
-	Đoạn từ điểm rẽ vào làng nghề xã Lãng Sơn hết đất trạm Bru chính viễn thông xã Quỳnh Sơn.	1.800	800		
-	Đoạn từ hết đất trạm bu chính viễn thông xã Quỳnh Sơn đến hết dốc đèo dẻ đường rẽ vào thôn Sơn Thịnh- xã Trí Yên	1.200	400		
6.	Trục đường nối từ tỉnh 398 đi Quốc lộ 18	1.800	800		

BẢNG 3 - BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT, KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP Ở THỊ TRẤN VÀ VEN TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG QUỐC LỘ, TỈNH LỘ, KHU CÔNG NGHIỆP, KHU DU LỊCH

Đơn vị tính : 1.000đ/m²

TT	TÊN ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
I.	THỊ TRẤN NEO				
1.	Trục đường 398 (đường 284 cũ)				

-	Đoạn từ Cổng Buộm đến giáp đất Ban chỉ huy quân sự huyện	2.100	840		
-	Đoạn từ Ban chỉ huy quân sự huyện đến giáp đất đội thuế số 2 thị trấn Neo	2.450	980		
-	Đoạn từ đội thuế số 2 đến đất cây xăng Anh Phong	2.100	840		
2.	Trục đường TL 299				
-	Đoạn từ Bưu điện huyện đến hết đất Bệnh viện	2.100	700		
-	Đoạn từ hết đất Bệnh viện đến hết đất lương thực	1.750	600		
-	Đoạn từ hết đất lương thực đến đầu cầu bến Đám	1.050	500		
3.	Đoạn từ TL299 đến đầu bến phà Đám cũ	700			
4.	Đoạn từ bến phà Đám cũ đến hết địa phận thị trấn Neo	460			
5.	Đường vành đai thị trấn Neo	2.100	840		
6.	Đoạn ngã ba huyện đi thôn Biền Đông xã Cảnh Thụy	1.260	560		
7.	Các vị trí còn lại các tiểu khu thị trấn Neo	600	300		
II	THỊ TRẤN TÂN DÂN				
1	Trục đường 299				
-	Từ hết đất đất địa phận xã Xuân Phú đến giáp đất đại phận xã Tân An	1.400	560		
-	Từ cây xăng anh Long đến đường rẽ vào thôn Thượng	2.100	840		
-	Từ đường rẽ vào thôn Thượng đến nghĩa trang TP Bắc Giang	1.750	910		
2	Đoạn đường từ đoạn rẽ nhà Nga Giảng đến cầu thôn Nguyễn	1.400	600		
3.	Các vị trí còn lại ở các thôn của thị trấn Tân Dân	500	250		
III.	ĐẤT Ở VEN CÁC TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG CHÍNH, CÁC ĐẦU MỐI GIAO THÔNG				
1.	Đường Quốc lộ 1A cũ chạy qua xã Tân Mỹ	1.750	840		
2.	Đường dẫn cầu Đường bộ mới	2.100	840		
-	Đoạn nối từ đường TL398 đến địa phận phường Mỹ Độ Bắc Giang				
3.	Trục đường 398 (Tỉnh lộ 284 cũ)	500	210		
-	Đoạn từ đường 1A cũ đến giáp đất BCH Quân sự tỉnh	800	210		
-	Đoạn từ đất Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh đến ngã tư cao tốc	700	280		
-	Đoạn từ khu CN Song Khê - Nội Hoàng đến Trạm biến thế Liên Sơn xã Tiên Phong	1.200	500		
-	Đoạn từ Trạm biến thế Liên Sơn xã Tiên Phong đến Cổng Kem xã Nham Sơn	1.540	700		
-	Đoạn từ cổng Kem đến trạm bơm nước thôn Minh Phượng xã Nham Sơn	1.750	700		
-	Đoạn từ trạm bơm nước thôn Minh Phượng xã Nham Sơn đến hết đất cây xăng Anh Phong	1.400	560		

-	Đoạn từ cống Buộm đến đường điếm rẽ thôn Tân Mỹ xã Cảnh Thụy	500	200		
-	Đoạn từ đường điếm rẽ thôn Tân Mỹ đến Miếu Cô Hoa xã Cảnh Thụy	1.600	700		
-	Đoạn từ Miếu Cô Hoa xã Cảnh Thụy đến đường rẽ Bà Trà	1.500	900		
-	Đoạn từ đường điếm rẽ Bà Trà đến đường điếm rẽ xuống xã Đồng Phúc	1.260	560		
-	Đoạn từ đường điếm rẽ xuống xã Đồng Phúc đến bến phà Đồng Việt	2.100	840		
4.	Trục đường 299				
-	Đoạn cầu bên Đám đến hết địa phận xã Xuân Phú	700	250		
-	Đoạn từ địa phận xã Tân An đến đất cây xăng anh Long	1.750	900		
5.	Trục đường 299B				
-	Đoạn từ đầu đường 299B đến hết địa phận xã Tân An	1.400	840		
-	Đoạn từ đường hết địa phận xã Tân An đến điếm rẽ vào làng nghề xã Lăng Sơn	1.050	500		
-	Đoạn từ điếm rẽ vào làng nghề xã Lăng Sơn đến trạm Bưu chính viễn thông xã Quỳnh Sơn.	1.260	500		
-	Đoạn từ trạm bưu chính viễn thông xã Quỳnh Sơn đến hết dốc đèo dễ đường rẽ vào thôn Sơn Thịnh- xã Trí Yên	840	200		
6.	Trục đường Quốc lộ 1A mới				
-	Đoạn từ đầu cầu Xương Giang đến ngã tư cao tốc	1.700	1.000		
-	Đoạn từ ngã tư cao tốc đến hết địa phận Yên Dũng	1.700	1.000		
7.	Trục đường nối từ TL 398 đi QL18	1.260	800		

BẢNG 4 - BẢNG GIÁ ĐẤT Ở NÔNG THÔN

Đơn vị tính : 1.000đ/m²

TT	Loại xã, nhóm xã	Khu vực 1				Khu vực 2				Khu vực 3			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
I.	Xã Trung du												
1.	Xã nhóm A	800	550	300	200	600	300	200	150	400	200	150	120
2.	Xã nhóm C	400	300	200	150	300	200	110	100	200	110	100	
I.	Xã Miền núi												
1.	Xã nhóm A	600	400	250	130	400	250	130	110	250	150	110	80
2.	Xã nhóm B	500	300	200	120	300	200	120	100	180	120	100	

3.	Xã nhóm C	350	250	150	100	250	150	100	90	150	100	90	
----	-----------	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	----	-----	-----	----	--

BẢNG 5 - BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT, KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP TẠI NÔNG THÔN

Đơn vị tính : 1.000đ/m²

TT	Loại xã, nhóm xã	Khu vực 1				Khu vực 2				Khu vực 3			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
I.	Xã Trung du												
1.	Xã nhóm A	620	350	220	150	420	210	150	105	280	140	105	
2.	Xã nhóm C	350	210	150	105	210	150	80		100	80		
I.	Xã Miền núi												
1.	Xã nhóm A	500	280	170	100	280	170	100	90	170	100	80	
2.	Xã nhóm B	350	210	140	90	210	140	90	80	130	90		
3.	Xã nhóm C	250	175	105	80	175	105	80		100	80		

- Xã trung du :

+ Xã nhóm A: Tân Mỹ, Song Khê, Tân Tiến (Các vị trí, khu vực giáp ranh với thành phố Bắc Giang có

quy hoạch khu dân cư: Vị trí 1: 1.300.000 đồng/m²; Vị trí 2: 900.000 đồng/m²; Vị trí 3: 600.000đ/m².

+ Xã nhóm C: Xã Thắng Cương.

- Xã miền núi :

Xã nhóm A: Nham Sơn, Tân An, Tiên Phong, Đồng Sơn, Đức Giang, Tư Mại, Tiến Dũng, Nội Hoàng, Cảnh Thụy.(Các xã Tiên Phong, Đồng Sơn, Nội Hoàng có vị trí gần các khu công nghiệp, đường cao tốc: Vị trí 1: 900.000 đồng/m²; Vị trí 2: 700.000 đồng/m²; Vị trí 3: 500.000 đồng/m²)

Xã nhóm B: : Yên Lư, Lãng Sơn, Quỳnh Sơn, Hương Gián, Xuân Phú.

Xã nhóm C: Đồng Phúc, Đồng Việt, Tân Liễu, Lão Hộ, Trí Yên.